CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Sông Đà 505

Ngày 31/12/2025	55,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.3%	**-2.3%**	**-3.1%**

DT thuần
Q4/25
98.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.4| -9.6%
YoY: ▲ 23.9| 32.0%

LN thuần
Q4/25
40.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.2| -19.9%
YoY: ▲ 24.2| 145%

LN sau thuế
Q4/25
39.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.0| -23.6%
YoY: ▲ 1.20| 3.1%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
65.3%
YoY: +/-▲ 29.1%

ROE
2025
11.7%
YoY: +/-▼ 0.4%

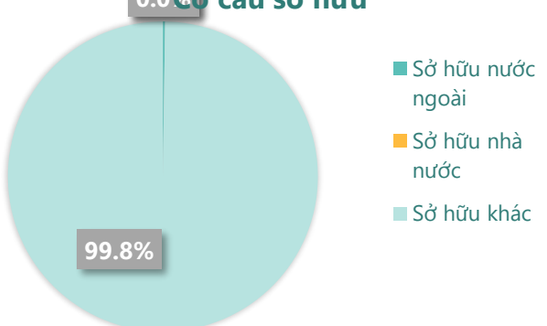
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	51,073 - 68,850
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	557
Số lượng CPLH (CP)	10,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.18
EPS	11,843
P/E	4.7

DT thuần
2025
365
tỷ VNĐ
YoY: ▼219| -37.5%

LN thuần
2025
149
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.0| 22.6%

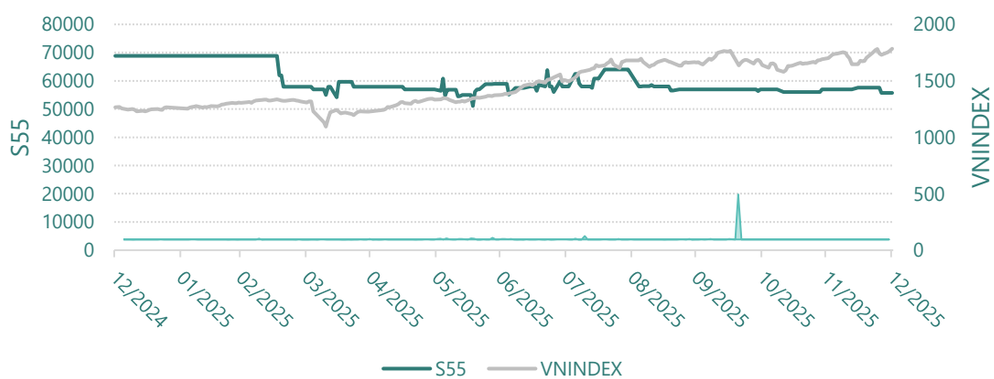
LN sau thuế
2025
159
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 20.0| 14.2%

Cơ cấu sở hữu

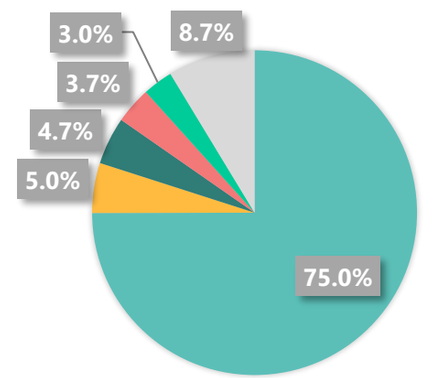


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

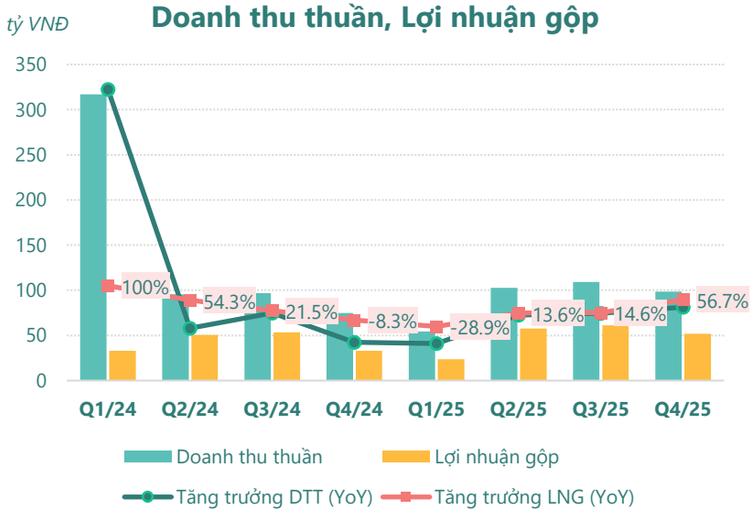


- CTCP ANZA
- Nguyễn Văn Sơn
- Đặng Văn Tuyển (Chủ tịch HĐQT)
- Đặng Tất Thành (Thành viên HĐQT)
- Đặng Thùy Dương
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

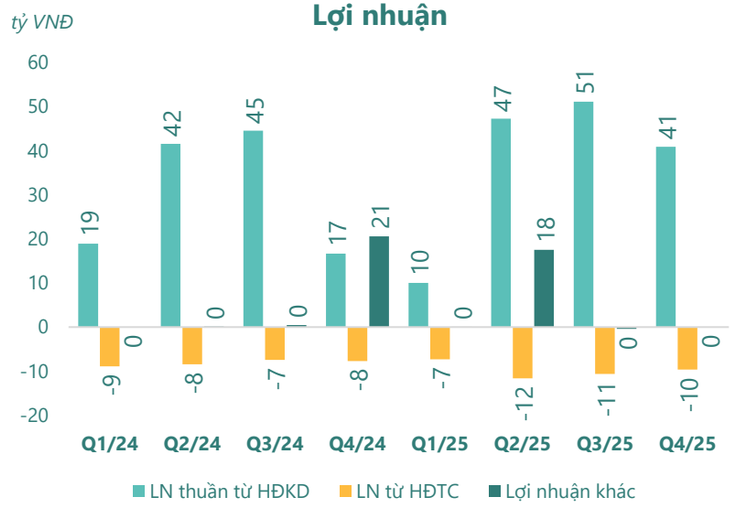
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



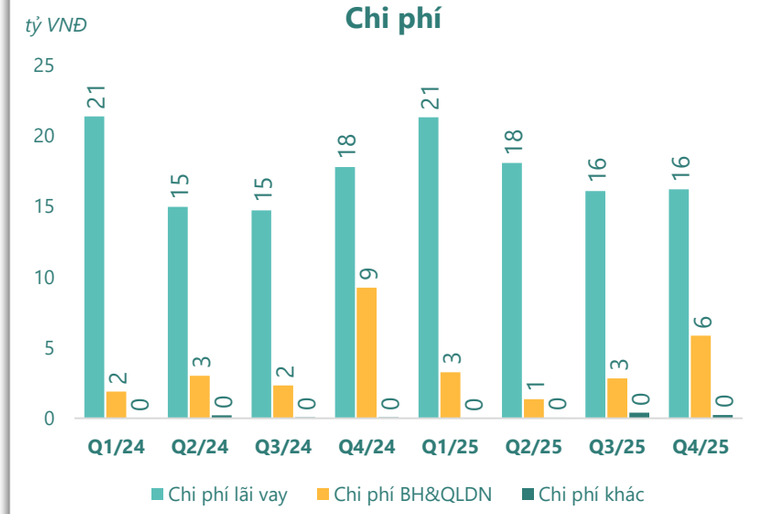
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



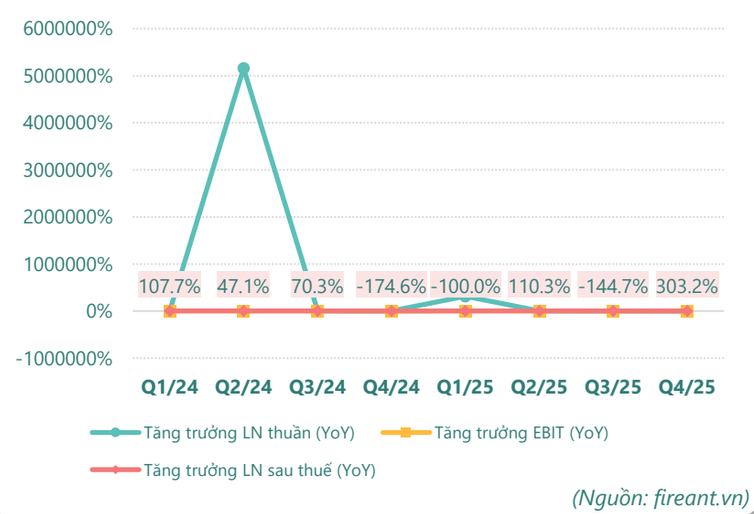
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



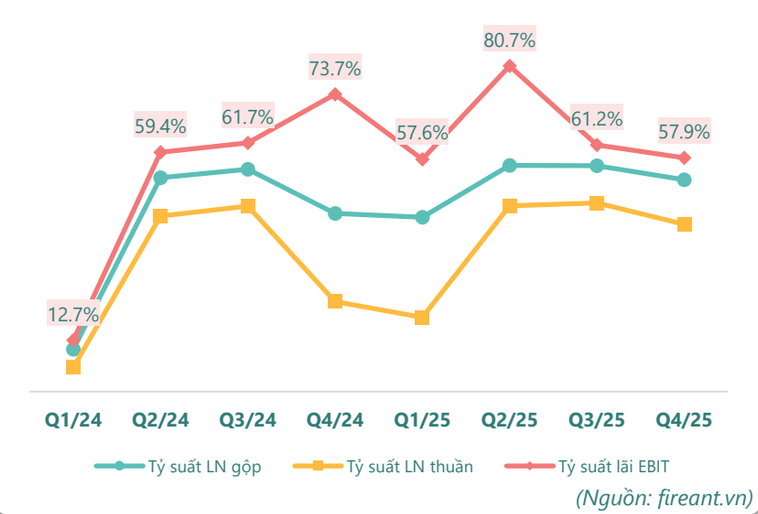
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



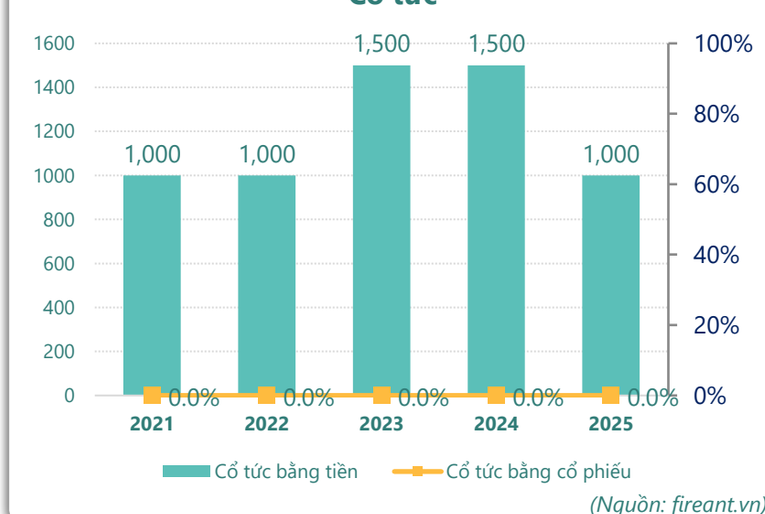
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

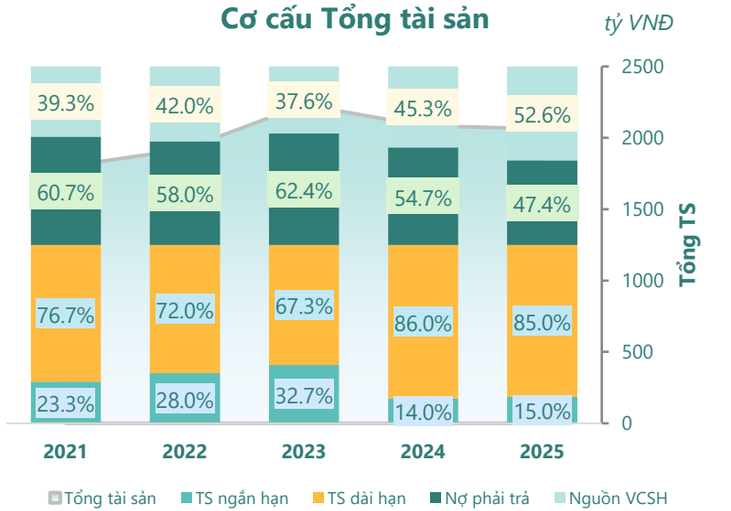
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

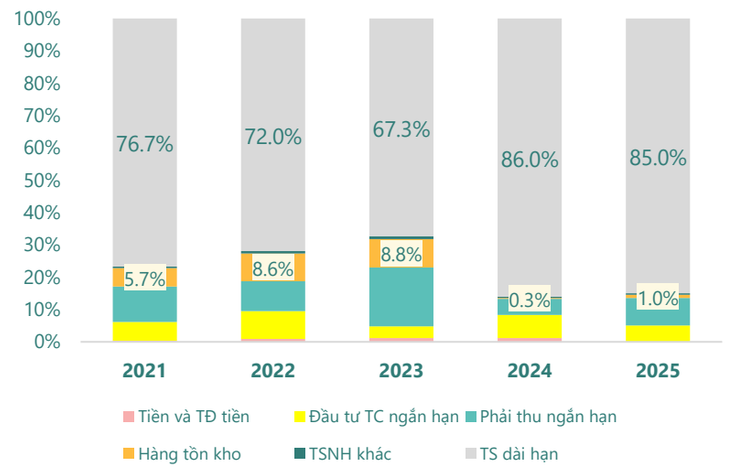
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



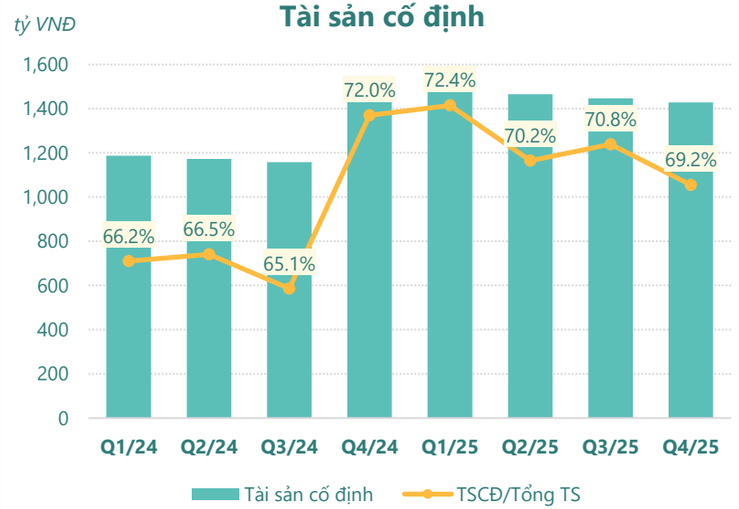
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



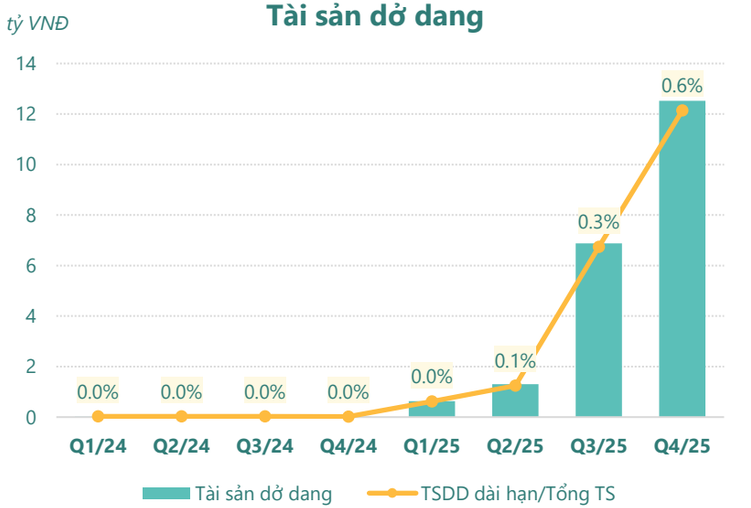
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



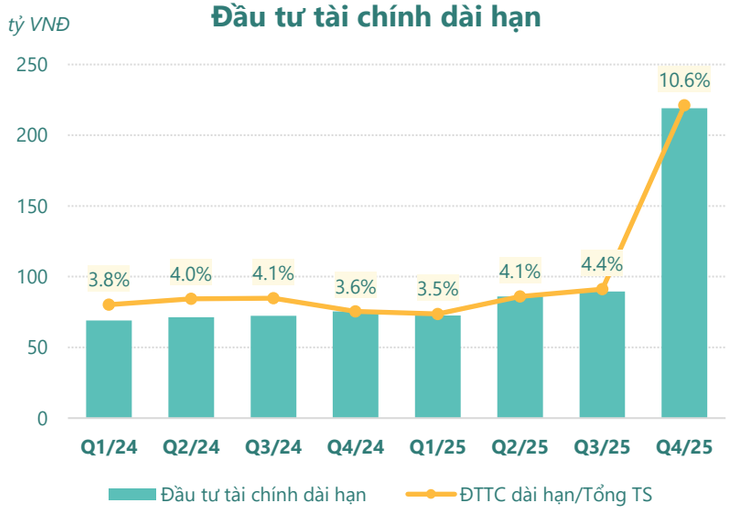
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



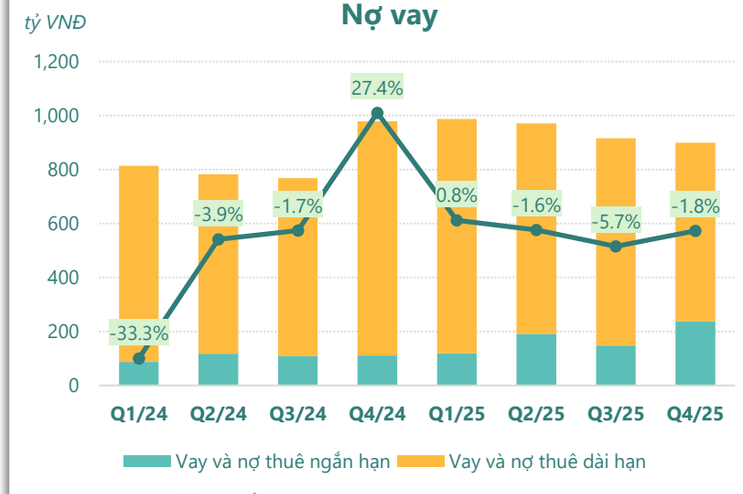
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

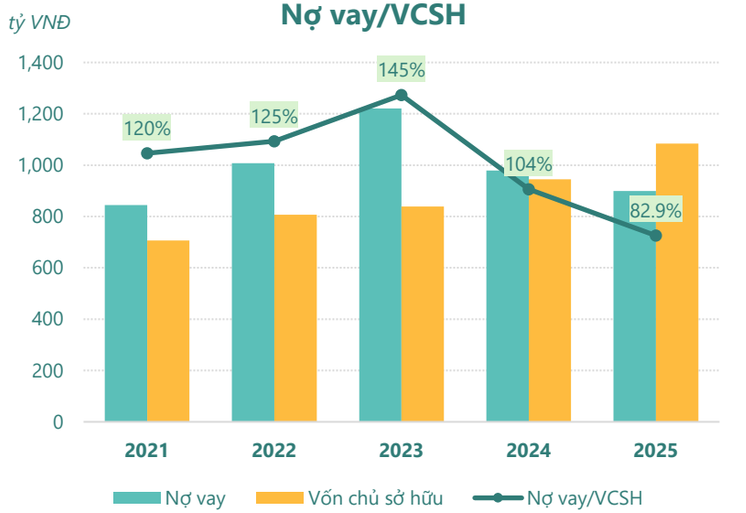
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

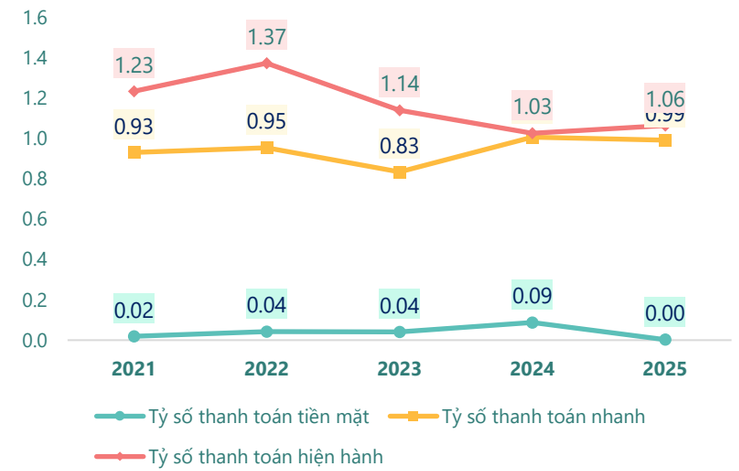
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



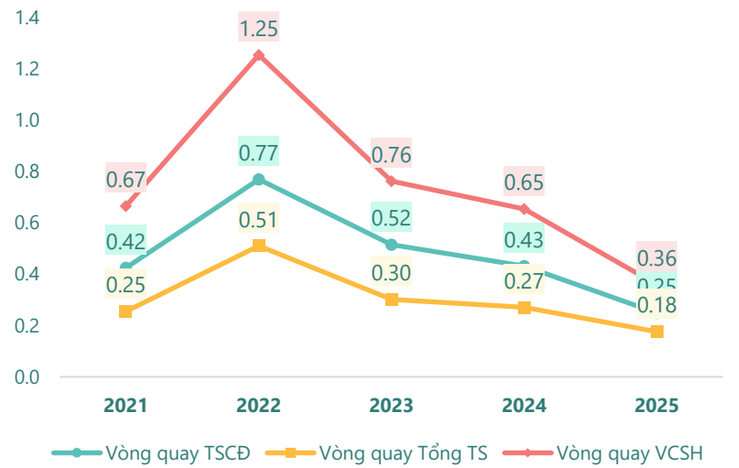
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



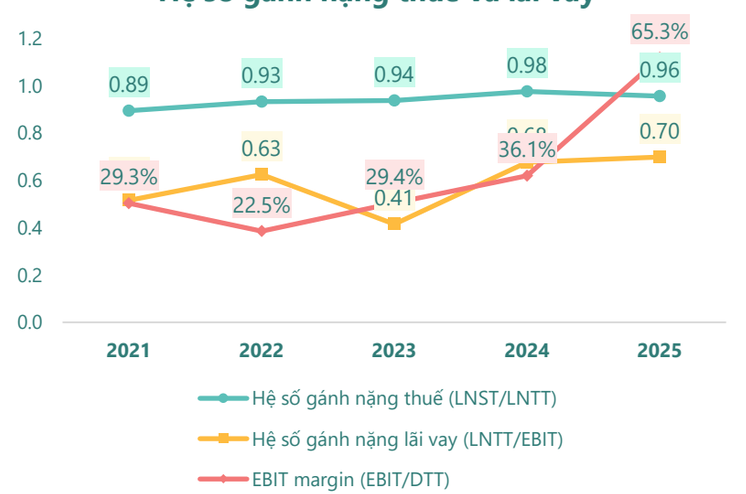
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



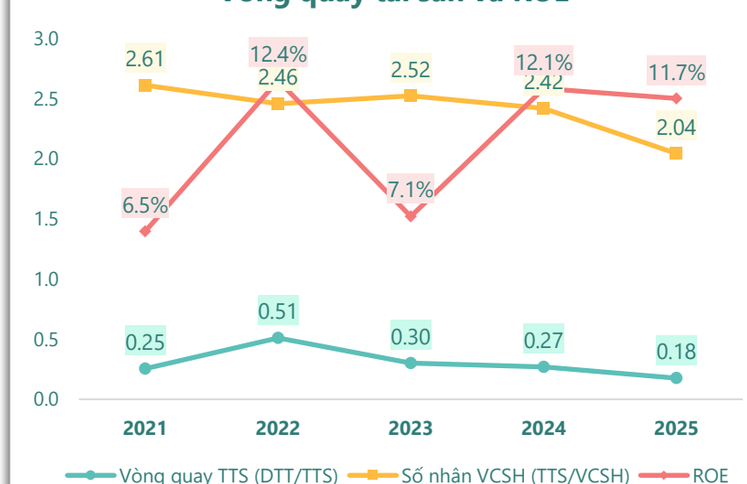
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



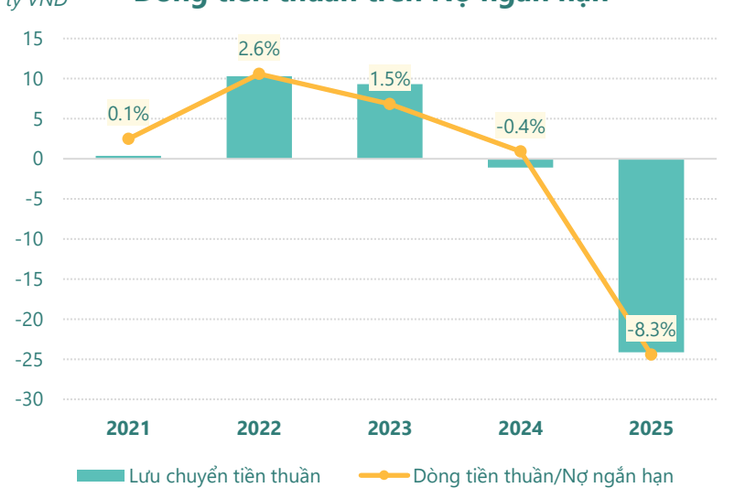
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**98.6**	**74.7**	**32.0%**	**365**	**584**	**-37.5%**
Giá vốn hàng bán	46.8	41.7	12.3%	171	413	-58.6%
Lợi nhuận gộp	51.8	33.0	56.8%	194	171	13.6%
Doanh thu HĐTC	6.62	10.1	-34.5%	32.7	36.3	-9.9%
Chi phí TC	16.2	17.8	-8.9%	71.8	68.1	5.5%
Chi phí lãi vay	16.2	17.8	-8.9%	71.7	68.1	5.4%
LN trong công ty LKLD	**4.62**	**0.65**	**610%**	**7.73**	**0.52**	**1382%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**5.85**	**9.26**	**-36.9%**	**13.3**	**17.7**	**-25.1%**
LN thuần từ HĐKD	40.9	16.7	145%	149	122	22.6%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**20.6**	**-100%**	**17.1**	**21.0**	**-18.7%**
LN trước thuế	40.9	37.3	9.7%	166	143	16.5%
Lợi nhuận sau thuế	**39.1**	**37.9**	**3.1%**	**159**	**139**	**14.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**26.8**	**32.5**	**-17.5%**	**118**	**108**	**10.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	83.3	30.4	-35.7	16.4	92.2	55.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-74.3	12.5	4.34	7.90	-5.84	-21.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.7	-27.0	7.77	-20.8	-83.0	-41.3
Tiền đầu kỳ	9.82	5.14	24.9	1.34	4.85	8.19
Lưu chuyển tiền thuần	**-4.68**	**16.0**	**-23.6**	**3.51**	**3.34**	**-7.44**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.14	21.1	1.34	4.85	8.19	0.76

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,064**	**2,084**	**-1.0%**
Tài sản ngắn hạn	310	291	6.6%
Tiền và tương đương tiền	0.76	24.9	-97.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	105	149	-29.8%
Phải thu ngắn hạn	174	103	69.1%
Hàng tồn kho	21.1	5.49	285%
Tài sản ngắn hạn khác	9.87	8.81	12.1%
Tài sản dài hạn	**1,753**	**1,793**	**-2.2%**
Phải thu dài hạn	22.0	144	-84.8%
Tài sản cố định	1,429	1,501	-4.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	12.5	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	219	75.4	190%
Tài sản dài hạn khác	**70.8**	**72.2**	**-1.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	979	1,139	-14.1%
Nợ ngắn hạn	**292**	**284**	**2.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	238	151	57.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.1	35.3	-71.3%
Nợ dài hạn	687	855	-19.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	661	828	-20.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,084**	**945**	**14.8%**
Vốn chủ sở hữu	**1,084**	**945**	**14.8%**
Vốn điều lệ	100	100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)